

# LUẬN CÂU XÁ TỤNG SỚ BỐN

## QUYỂN 29

### 1. Nói về công đức năng:

Từ phần thứ hai này, nói về công đức của năng y. Trong đó có sáu: 1. Nói về bốn vô lượng tâm; 2. Nói về tám, giải thoát; 3. Nói về tám thắng xứ; 4. Nói về Mười khắp chỗ; 5. Nói về được y thân; 6. Nói về nhân duyên khởi định

- Nói bốn tâm vô lượng: Luận chép: Đã nói các định làm chỗ nương như thế, nay sẽ nói về các công đức do nương định mà sanh. Trước là nói về vô lượng.

Tụng rằng:

*Vô lượng có bốn thứ  
Vi đối trị sân thấy  
Từ, bi tánh vô sân  
Hỷ, hỷ xả vô tham  
Hành tướng này như thế  
Ban vui và cứu khổ  
An vui hữu tình thấy  
Duyên hữu tình cõi Dục  
Hỷ hai tinh lự đầu (tiên)  
Còn sáu hoặc năm, mười  
Không thể dứt các hoặc  
Người khởi định thành ba.*

Giải thích: Câu đầu là nêu chung, một câu kế là nói chỉ có bốn, hai câu kế là nêu ra thể, ba câu kế là nói về hành tướng, một câu kế là nói về sở duyên, hai câu kế nói về địa sở y, một câu kế nói không dứt hoặc, một câu kế nói xứ và thành. Vô lượng có bốn thứ: Từ, bi, hỷ, xả. Nói vô lượng: Vô lượng hữu tình là sở duyên (đối tượng), sinh ra vô lượng phước, cảm ứng vô lượng quả.

### 2. Hỏi đáp về công đức:

Hỏi: Ở đây vì sao chỉ có bốn thứ?

Đáp: Tụng chép vì đối trị sân v.v... là ba chương như đẳng thủ hại v.v... ở đây có bốn chương sân, hại, tâm buồn phiền, tham sân cõi Dục. Để đối trị với nhiều hành chương của bốn thứ này, nên lập ra từ v.v từ bi là vô sân, tánh hỷ là hỷ xả, vô tham là nêu ra thể, hai thứ từ và bi, vô sân làm thể. Nếu theo luận chủ thì, Từ dùng vô sân, bi là không hại, hỷ là hỷ thọ, xả là vô tham. Từ, bi v.v... này nếu cùng là quyển thuộc nhau thì thể là năm uẩn.

Hỏi: Nếu xả tánh vô tham, làm sao đối trị sân?

Đáp: Sân ở đây đối trị là do tham dắt dẫn, nếu theo luận chủ thì xả dụng hai pháp vô tham, vô sân làm thể, cho vui và dứt khổ, an ủi, hữu tình v.v... đây là nói hành tướng. Ban vui là từ, cứu khổ là bi, vui thích là hỷ, hữu tình bình đẳng là xả, nghĩa là xem kẻ oán người thân như nhau, không còn oán, không còn thân gọi là xả. Nguyên cho các hữu tình được an vui suy nghĩ như thế, như vậy nhập vào Từ đẳng chí, mong các loài hữu tình xa lìa khổ như thế, suy nghĩ như vậy nhập vào Đẳng chí. Các loài hữu tình được an vui lìa khổ há không vui hay sao? Suy nghĩ như vậy nhập vào Hỷ đẳng chí. Các loài hữu tình bình đẳng với nhau không có kẻ oán người thân, suy nghĩ như thế nhập vào Xả đẳng chí. Duyên hữu tình cõi Dục: nói cảnh sở duyên. Bốn vô lượng này duyên khắp tất cả hữu tình của cõi Dục, không duyên với cõi trên. Nghĩa là có thể đối trị các chương sân... kia, nhưng vì cõi trên không có sân v.v... nên nó không duyên với cõi trên. Hỷ dựa vào tinh lự thứ nhất và tinh lự thứ hai, sáu thứ còn lại hoặc năm mươi: Là nói về y địa: hỷ vô lượng chỉ nương vào Sơ thiền, Nhị thiền mà lập sáu thứ còn lại: là nói ba vô lượng còn lại nương vào sáu địa, sáu địa là bốn tinh lự, Vị Chí và Trung gian. Hoặc năm: hoặc có sư khác nói chỉ dựa vào năm địa, trừ địa Vị Chí. Nghĩa là tu vô lượng, ở đây có thể là bậc đức độ đã lìa dục, mới có thể tu, cho nên trừ địa Vị chí. Nếu người còn dục thì khiến bốn vô lượng này dựa cả vào mười địa. Đó là cõi Dục, bốn thiền căn bản bốn thiền Cận phần và Trung gian. Ý này muốn cho định địa, bất định địa, căn bản gia hạnh đều thuộc về vô lượng, cho nên có cả mười địa. Không thể dứt các hoặc: Bốn vô lượng này không thể dứt hoặc. Ở đây có ba nghĩa: 1. Vì thuộc tinh lự căn bản của hữu lậu; 2. Vì khởi tác ý thắng giải tương ứng, mà dứt hoặc cận phần tác ý chân thật. Vì đây đã thắng giải nên không thể dứt hoặc; 3. Vì duyên khắp tất cả cảnh hữu tình, mà dứt hoặc thì cần phải tác ý duyên pháp. Vì ở đây duyên với hữu tình nên không thể dứt hoặc.

Văn trước đã bốn vô lượng này đối trị bốn chương: theo vị Gia

hành chế phục sân v.v... ở đây có thể khiến đã dứt lại xa. Trước nói có thể đối trị bốn chướng, nếu nương vào căn bản, bốn loại vô lượng thật không thể dứt hoặc.

Hỏi: Ở giai đoạn mới tu tập, vì sao tu từ v.v...?

Đáp: Đó là trước tư duy tự mình được an vui, liền nghĩ thế này: mong cho tất cả hữu tình cảm nhận được sự an vui như thế. Nếu họ từ xưa đến nay phiền não thêm lớn, không thể được như vậy, thì phải vận tâm bình đẳng, nên đối với hữu tình chia làm ba phẩm: đó là thượng, trung, hạ. Bạn thân bậc thượng: là người sinh ra pháp thân. trung thân hữu: là qua lại về tài, pháp. Bạn thân bậc hạ: chỉ qua lại về tài vật. Xử trung chỉ có một. oán thù lại chia làm ba. thượng oán thù: là chiếm đoạt mạng sống của bạn thân và các vật dụng của họ, cộng chung Thánh bảy phẩm. Phân biệt phẩm rồi, trước đối với bạn thân bậc thượng phát khởi chân thành ban cho thắng giải an vui. Nguyên này thành rồi, đối với trung thân hữu và bạn thân bậc hạ cũng dần dần tu thắng giải như vậy. Đối với ba phẩm thân hữu được bình đẳng rồi, kể là Xử trung, ba phẩm oán thù thì cũng dần dần tu thắng giải như vậy. Do sức mạnh tu tập nhiều lần, có thể đối với thượng oán khởi nguyện ban vui cho bạn thân bậc thượng, v.v... tu thắng giải này, đã đắc bất thối, kể đến đối với sở duyên, dần dần tu rộng ra. Nghĩa là dần dần vận tưởng nghĩ đến một ấp, một nước, một phương, rồi đến tất cả thế giới: ban vui khắp tất cả đó là tu tập thành tựu về Từ vô lượng. Tu pháp Bi: nghĩa là quán chúng hữu tình đang chìm trong biển khổ, mong cho họ được giải thoát. Tu pháp Hỷ: nghĩa là nghĩ đến hữu tình được vui lìa khổ, liền rất vui thích, thật vui thích thay. Tu xả: bắt đầu từ Xử trung mà khởi, dần dần cho đến có thể đối với bạn thân bậc thượng khởi tâm bình đẳng, đối xử như nhau. Nhân khởi chắc chắn thành ba: bốn vô lượng này, người khởi chẳng phải khác, thì hẳn lúc được một chắc chắn thành tựu ba thứ.

### 3. Nói về tám giải thoát:

Từ phần thứ hai này, nói tám giải thoát. Luận chép: đã nói về bốn vô lượng, kể là nói về tám giải thoát

Tụng rằng:

*Giải thoát có tám thứ  
Ba trước tánh vô tham  
Hai hai, một một định  
Bốn định thiện Vô Sắc  
Diệt thọ tưởng (định) giải thoát  
Vô gian sinh, vi vi*

*Do tâm tịnh địa mình  
 Và vô lậu dưới xuất  
 Ba cảnh dục thấy được  
 Bốn cảnh loại phẩm đạo  
 Từ khổ, tập, diệt trên  
 Phi trạch diệt hư không.*

Giải thích: Câu thứ nhất là nêu chung, hai câu kế nói riêng ba giải thoát trước, câu thứ tư nói riêng giải thoát thứ tư, hàng tụng thứ hai nói riêng giải thoát thứ tám, một hàng sau nói chung về sở duyên. Giải thoát có tám thứ: 1. Nội hữu sắc tướng quán ngoại sắc tướng giải thoát: nghĩa là ở trong thân có sắc tướng tham, vì dứt tham này quán sát bất tịnh ở bên ngoài như sắc bầm xanh v.v... khiến cho tham không khởi lên, nên gọi là giải thoát; 2. Nội Vô Sắc tướng quán ngoại sắc giải thoát: nghĩa là ở trong thân không còn tham về sắc tướng, tuy đã dứt tham, nhưng vì muốn vững chắc nên tiếp tục quan sát bất tịnh ở bên ngoài như sắc bầm xanh v.v... làm cho tham không sinh ra, gọi là giải thoát, ba tịnh giải thoát thân tác chứng cụ túc trú: nghĩa là quán tịnh sắc khiến tham không sinh ra, gọi là Tịnh giải thoát. Quán tịnh sắc: là nói quán càng cao siêu. Tịnh giải thoát này chứng đắc ngay trong thân đầy đủ tròn đầy, an trú ở định này gọi là cụ túc trú. Bốn định Vô Sắc là thứ tự của bốn giải thoát, mỗi thứ sẽ dứt bỏ tham của địa dưới gọi là giải thoát. Diệt thọ tướng định giải thoát thứ tám: thân tác chứng cụ túc trú, Trừ bỏ thọ v.v... gọi là giải thoát. Dựa vào luận Tỳ-bà-sa, Hán dịch là Giải thoát. Đó là nghĩa bỏ đi. Ba tánh vô tham ở trước: ba giải thoát trước thể của nó là vô tham, vì gần trị tham, trong ba thứ này, hai thứ đầu, bất tịnh tướng chuyển làm các hành tướng xanh bầm v.v... giải thoát thứ ba thành tịnh tướng chuyển làm các hình tướng tươi sáng chuyển. Ba thứ trợ giúp này đều là tánh năm uẩn, hai hai, một một định: nghĩa là hai hai định, một một định. Hai thứ trên gọi là giải thoát thứ nhất và giải thoát thứ hai. Hai thứ sau gọi là Sơ tĩnh lự và Nhị tĩnh lự. Vì giải thoát thứ nhất và giải thoát thứ hai dựa vào Sơ tĩnh lự và Nhị tĩnh lự mà khởi, gọi là hai hai định, một một định: Một nghĩa là giải thoát thứ ba, một giải thoát này chỉ dựa vào thiền thứ tư mà khởi, gọi là một một định. Vì thiền thứ tư là tám tai hoạn tâm trong sạch nên có tịnh giải thoát. Định Vô Sắc là thiện: bốn Vô Sắc giải thoát lấy định thể làm thể, vì không có nhiễm vô ký thì chẳng giải thoát, cũng chẳng phải tán thiện, vì tánh yếu đuối. Vô Sắc mất thiện: như tâm lúc chết. Diệt thọ tướng giải thoát, Vô gián sinh nhỏ nhiệm, diệt định giải thoát, có giải thích là chán bỏ thọ tướng,

tất cả các tâm có sở duyên, có khi giải thích là thoát định chướng, nên gọi là giải thoát. Sau tâm nhỏ nhiệm, định này hiện ra. Tâm nhập diệt định ba thứ: tưởng tâm, vi tế tâm, vi vi tâm. Trước đối với tưởng tâm đã gọi là vi tế, đây lại vi tế, nên gọi là vi vi. Từ tâm vi vi nhập định Diệt tận. Do tự địa tịnh tâm và vô lậu dưới xuất: nói tâm xuất định Diệt tận. Tâm xuất định Diệt tận hoặc khởi tâm tịnh Hữu Đảnh, hoặc khởi Vô sở hữu xứ của địa dưới. Tâm vô lậu, như thế nhập tâm chỉ là hữu lậu. Nói chung từ tâm hữu lậu vô lậu mà xuất. Ba cảnh dục có thể thấy: Ba giải thoát đầu chỉ lấy sắc xứ của cõi Dục làm cảnh. Có sự khác nhau. Cảnh một và cảnh hai đáng ghét, cảnh ba đáng yêu thích. Bốn cảnh loại phẩm đạo, từ, khổ, tập, diệt cõi trên: bốn Vô Sắc giải thoát, đều duyên với tự địa, khổ tập, diệt đế và duyên với loại trí phẩm của chín địa, thượng phi trạch diệt và hư không làm cảnh sở duyên.

#### 4. Hỏi đáp về tịnh lự:

Hỏi: Tịnh lự thứ ba không có giải thoát ư?

Đáp: Trong định thứ ba, không có sự dẫn dắt của nhãn thức, nói lên tham sắc. Lại, điều lạc của tự địa bị động loạn, không có giải thoát

Hỏi: Vì hành giả sao tu tịnh giải thoát?

Đáp: Vì muốn được an vui, nên tu tịnh giải thoát trước tu quán bất tịnh, khiến tâm trầm lắng, nay tu quán tịnh sách tấn khiến cho vui thích, hoặc biết rõ mình có khả năng hay không. Nghĩa là trước đã tu bất tịnh giải thoát, thành tựu hay không, nếu quán tịnh tướng phiền não không khởi, thì hành giả đó mới thành tựu.

Hỏi: vì sao trong kinh nói giải thoát thứ ba và thứ tám, được gọi là thân chứng, không phải như sáu thứ còn lại?

Đáp: Vì trong tám giải thoát, hai giải thoát này là hơn hết, là hai giới biên, nên được gọi là thân chứng. Giải thoát thứ ba chỉ chấp tướng tịnh, làm cho hoặc không khởi, gọi là hơn hết. Giải thoát thứ tám, vì không có tâm nên gọi là hơn hết. Giải thoát thứ ba ở bên cõi Sắc, giải thoát thứ tám ở bên cõi Vô Sắc.

#### 5. Nói về tám thắng xứ:

Từ phần thứ ba này, nói về tám thắng xứ, luận chép: đã nói về tám giải thoát, kể là nói về tám thắng xứ.

Tụng rằng:

*Thắng xứ có tám thứ,  
Hai như giải thoát đầu.  
Hai kế như thứ hai  
Bốn sau như thứ ba.*

Giải thích: thắng xứ có tám thứ:

1. Trong có sắc tướng quán sắc ngoài ít; 2. Trong có sắc tướng quán sắc ngoài nhiều; 3. Trong không có sắc tướng quán sắc ngoài ít; 4. Trong không có sắc tướng quán sắc ngoài nhiều; trong không có sắc tướng quán sắc ngoài xanh vàng đỏ trắng, là bốn thắng xứ, cộng với trước thành tám. Trong tám thứ này, hai thắng xứ đầu như giải thoát thứ nhất, hai thắng xứ kế như giải thoát thứ hai, bốn thắng xứ sau như giải thoát thứ ba. Trước tu giải thoát chỉ có thể bỏ được tâm tham không thể chế ngự cảnh, sau đó tu thắng xứ, thì chế ngự được sở duyên (cảnh). Hễ ưa thích bất cứ quán nào, hoặc cuối cùng không sinh ra, có thể chế phục cảnh, tâm vượt khỏi cảnh xứ nên gọi là Thắng xứ.

### 6. Nói bốn mươi biến cử:

Từ phần thứ tư này, nói bốn mươi khắp chỗ. Luận chép: đã nói về thắng xứ, kế là nói về khắp chỗ.

Tụng chép:

*Khắp chỗ có mười thứ  
Tám như tịnh giải thoát  
Hai sau tịnh Vô Sắc  
Duyên bốn uẩn tự địa.*

Giải thích: Khắp chỗ có mười: nghĩa là quán cùng khắp: Đất, nước, lửa, gió, xanh, vàng, đỏ, trắng, không và thức, hai vô biên xứ ở tất cả mọi nơi, quan sát khắp tất cả, không sót khe hở nào, nên gọi là Khắp chỗ. Trong mười khắp chỗ tám khắp chỗ trước như tịnh giải thoát, nghĩa là tám tự tánh đều là vô tham, sự giúp đỡ của nó là tánh năm uẩn, dựa vào bốn thiền, duyên với sắc mà cõi Dục thấy được. Hai khắp chỗ sau là không và thức, lấy Vô Sắc thiện làm tánh. Mỗi thứ duyên với bốn uẩn của tự địa làm cảnh. Nên biết trong đây tu quán hạnh, từ các giải thoát nhập vào thắng xứ, từ các thắng xứ nhập vào các khắp chỗ. Vì sau sau khởi lên thù thắng hơn trước, nghĩa là tu giải thoát, chỉ do sở duyên vì nắm bắt chung các tịnh tướng, chưa thể phân biệt xanh, đỏ, vàng, trắng. Bốn thắng xứ sau tuy có thể phân biệt xanh, đỏ, vàng, trắng nhưng chưa thể làm được vô biên hành tướng. Bốn xứ trước là quán xanh v.v... mỗi thứ đều đến vô biên, lại suy nghĩ xanh v.v... dựa vào sở y nào? Biết được nó dựa vào đại chủng, kế là quán địa v.v... mỗi thứ đều vô biên, lại tư duy thấy sắc này do đâu rộng lớn? Biết được do hư không. Kế là quán Không vô biên xứ, lại tư duy cái có thể biết này lấy gì làm sở y? Biết được quảng thức, quán thức vô biên xứ, thức sở y này không có sở y, riêng, nó không tu nữa như trên là khắp chỗ.

### 7. Nói đắc nhờ thân:

Từ phần thứ năm này, nói đắc nhờ thân. luận chép: giải thoát v.v... này, ba môn công đức do đâu mà có? (Câu hỏi một) Dựa vào thân nào mà sinh ra? (Câu hỏi hai).

Tụng rằng:

*Diệt định như trước nói,  
Còn lại đều hai đắc*

Vô Sắc nương ba cõi

Còn lại chỉ cõi người khởi

Giải thích: Diệt định giải thoát, phẩm Căn đã giải thích. Các giải thoát còn lại do hai đắc: 1/ hoặc đã có tu tập, do lìa nhiễm mà đắc; 2/ hoặc chưa từng tu tập do gia hạnh mà đắc. Bốn Vô Sắc giải thoát, hai khắp chỗ không và thức mỗi thứ đều nương chung thân của ba cõi mà khởi, còn lại chỉ có người khởi. Nhờ sức mạnh và sự dạy dỗ, chúng sinh và Thánh đều có thể hiện khởi.

### 8. Nói về duyên khởi định:

Từ phần thứ sáu này, nói duyên khởi định, luận chép: Các hữu sinh ở cõi Sắc, cõi Vô Sắc khởi tính lự Vô Sắc, do các duyên riêng nào?

Tụng rằng:

*Hai cõi do nhân, nghiệp  
Năng khởi định Vô Sắc  
Cõi Sắc khởi tính lự  
Cũng do sức pháp nhĩ.*

Giải thích: Sinh lên hai cõi trên, đều do ba duyên: 1. Nhờ sức mạnh của nhân. Nghĩa là trước tiên gần gũi và tu tập nhiều làm nhân sinh ra; 2. Do sức mạnh của nghiệp: trước đây đã từng gây ra nghiệp, chiêu cảm sinh lên địa trên sau đó thọ nghiệp nghiệp kia dị thực (chín muôi) sẽ khởi lên hiện ra, thế lực đó có công năng làm cho sinh ra tiến lên định kia; 3. Nhờ sức pháp nhĩ: nghĩa là khí thể gian, lúc sắp hoại diệt, pháp nhĩ hữu tình địa dưới có thể khởi lên tính lự địa trên, sinh lên hai cõi trên. Khởi định Vô Sắc do sức mạnh của nhân và nghiệp, không phải do sức mạnh của pháp nhĩ. Vì các tầng trời như Vô Vân v.v... không có tại hoạn. Sinh ở cõi Sắc, lúc khởi tính lự, do hai duyên trên và sức mạnh của pháp nhĩ. Nếu sinh cõi Dục, lúc khởi định cõi trên đối với ba duyên trước, còn thêm sức mạnh của giáo pháp.

### 9. Nói về chánh pháp trụ thế:

Từ phần thứ hai của toàn văn này nói về chánh pháp trụ thế, ba nghĩa trước đã nói rộng dưới đây là phần lưu thông. Luận chép: Trên

đây đã nói rộng nhiều pháp môn đều vì mở rộng giữ gìn giáo pháp của Như lai, thế nào gọi là Chánh pháp? (Câu hỏi một). Sẽ tồn tại trong bao lâu? (Câu hỏi hai).

Tụng rằng:

*Chánh pháp Phật có hai  
Lấy giáo chứng làm thể.  
Có hành giả tri thuyết  
Là chánh pháp trụ thế.*

Giải thích: hai câu trước trả lời câu hỏi thứ nhất, hai câu sau trả lời câu hỏi thứ hai. Chánh pháp có hai: giáo và chứng. Giáo là kế kinh điều phục, đối pháp. Chứng là phần pháp bồ đề của ba thừa. Người có khả năng thọ trì và nói đúng thì giáo pháp trụ thế. Người có khả năng dựa vào giáo pháp tu hành chân chính, chứng pháp chân chánh của Phật thì Phật pháp tồn tại ở thế gian. Đạo nhờ người mở mang, pháp nhờ người mà còn, người còn thì pháp còn, người mất thì pháp mất. Cho nên ngài Thế Thân nói: “Tùy theo ba thời lượng trụ thế của con người nên biết chánh pháp trụ thời gian cũng như vậy. Thánh giáo nói chung chỉ trụ một ngàn năm, còn thời gian trụ thế của giáo pháp thì lâu hơn”.

### **10. Nói về tông chỉ của luận:**

Từ phần thứ ba này, nói về tông chỉ của luận: trong đó chia làm hai: 1. Nói về tông chỉ; 2. Than thở, khuyên học.

- Nói về tông chỉ: Luận chép: luận này dựa vào nhiếp A-tỳ-đạt-ma, y theo lý nào mà giải thích đối đáp?

Tụng rằng:

*Ca-thấp-di-la nghị lý thành  
Tôi thường theo đây giải đối pháp  
Nếu chút chê bai lỗi của tôi  
Phán pháp chánh lý do Đức Phật.*

Giải thích: Ca-thấp-di-la là nơi hội nghị của các Sư-Tỳ-bà-sa, lý A-tỳ-đạt-ma khéo được thành lập. Tôi thường dựa vào đó để giải thích Đối pháp tạng. Nếu có chút chê bai đó là lỗi của tôi, còn phán xét lý của chánh pháp chỉ do Đức Phật và các Như lai đệ tử của Phật.

### **11. Nói về than thở, khuyên học:**

Từ phần thứ hai này nói than thở, khuyên học, trong đó có hai: than thở về người và khuyên học pháp. Trong phần than thở về người chia làm hai: 1. Than thở về người; 2. Giải thích lại than thở.

Trong phần chính than thở về người lại chia làm hai: a. Than thở về người có đức; b. Than thở về người có lỗi.



- Than thở về người có đức:

Tụng rằng:

*Đại sư mất đời, mất đã lâu  
Người kham chứng phần nhiều đã mất.*

Giải thích: Đại sư trong ba cõi là mắt của thế gian. Đức Phật nhập Niết-bàn đã lâu nên gọi là nhắm. Xá-lợi-tử v.v... gọi là người có khả năng. Tùy theo Phật diệt độ, gọi là phần nhiều đã mất.

### **12. Than thở về người đã gây ra lỗi lầm:**

Từ phần thứ hai này, than thở về người gây ra lỗi lầm.

Tụng rằng:

*Không thấy chân lý, không chế người  
Do tâm ác não loạn Thánh giáo.*

Giải thích: đã mất đi bậc Đại sư, không còn có pháp trang bị, tất cả chúng sinh không có mắt huệ, không thấy được chân lý, không có pháp để chế ngự bản thân, khởi lên tâm ác, tứ ác, làm mê hoặc Thánh giáo lỗi này lớn lắm thay.

### **13. Giải thích lại phần than thở:**

Từ phần thứ hai này, giải thích lại phần than thở chia làm hai:

1. Giải thích lại than thở về người có đức; 2. Giải thích lại than thở về người có lỗi lầm.

- Giải thích lại than thở về người có đức:

Tụng rằng:

*Tự Giác đã về tĩnh lặng cao siêu  
Người giữ giáo pháp cũng diệt mất.*

Giải thích: Đức Phật gọi là tự giác vì không có thầy mà ngộ được chân lý. Đức Phật nhập Niết-bàn đã lâu, gọi là trở về vắng lặng. Xá-lợi-tử v.v... giữ gìn giáo pháp ấy, nay cũng thị tịch theo.

### **14. Than thở người gây lỗi:**

Từ phần thứ hai này, giải thích lại than thở về người gây ra lỗi lầm.

Tụng rằng:

*Đời không chỗ nương mất các đức.  
Không kèm chế được các hoặc tùy ý lưu chuyển.*

Giải thích: Do Đức Phật và các đệ tử đức độ của ngài nhập diệt người đời không có chỗ nương tựa, chúng sinh này do không có chánh pháp kèm chế các hoặc loạn, tùy ý khởi lên các chấp.

Tụng rằng:

*Đã biết tuổi thọ chánh pháp của Phật*

*Dần tiêu tan như cỏ bị đốt.  
Là lúc các phiền não thêm lớn mạnh  
Nên cầu giải thoát chớ buông lung.*

Giải thích: sau khi Phật diệt độ, trong chín trăm năm, ngài Thế Thân soạn các luận, tuổi thọ chánh pháp dần dần mất đi, như người sắp chết, hơi thở sắp dứt, chốc lát liền chết. Trong thời gian này, phiền não càng mạnh, những người hiểu biết nên cầu giải thoát chớ buông lung khởi lên phiền não.

Phẩm Pháp ngữ: Mây tan trắng hiện, chấp hư không sáng suốt, nếu không phá ta làm sao hiển chánh. Ý của phẩm này là như vậy. Có kẻ mê mờ chấp tướng, pháp không có chủ thể, sinh ngã chấp ngang trái. Thân kiến khởi lên, các hoặc sanh theo, chìm trong sông ba cõi, trái với tám con đường chánh. Đó là lỗi lầm không đáng buồn hay sao! Luận chủ thương xót họ như đứa con một, mong muốn họ đừng vọng tâm động, thương cảm họ nên soạn luận này. Chấp ngã khác nhau, gồm có ba: 1. Độc tử bộ; 2. Số luận tông; 3. Thắng Luận tông. Pháp ba chấp này đã nói rõ như trong trường luận. Nay chỉ giải thích tụng, không thể trình bày đầy đủ, chỉ lược nêu đề cương tông chỉ để làm phát khởi. Độc tử bộ: là một trong mười tám bộ, lúc Phật tại thế có một ngoại đạo tên là Độc tử, nay bộ này chấp giống với ngoại đạo này nên gọi tên như vậy. Trong phẩm Pháp ngữ này, trước phá Độc tử bộ, kế là phá số luận, sau cùng phá Thắng Luận. Vì bộ này đê tử Phật thấy giống với ngoại đạo, rất không hợp với Phật pháp, nên trước phá. Nay muốn phá, trước phải nói về chấp ấy. Luận chép: Nhưng độc tử bộ chấp có Bồ-đặc-già-la, thể không phải một không phải khác với năm uẩn.

Giải thích: Độc tử bộ chấp chân ngã, gọi là Bồ-đặc-già-la Hán dịch là Sắc-thủ-thú. Uẩn sát na diệt, đối với chuyển biến không thể xả mà chỉ do ngã có thể xả uẩn này, có khả năng nối tiếp các uẩn khác. Chúng sinh luân hồi trong các đường, nên chấp thật ngã là thể, gọi là bồ-đặc-già-la. Chấp ngã và uẩn chẳng phải một, chẳng phải khác, không đoạn không thường. Nếu gọi uẩn và ngã là một thì uẩn diệt ngã cũng diệt, liền thành chấp đoạn. Nếu nói uẩn khác ngã thì khi uẩn diệt ngã vẫn tồn tại, đây là chấp thường. Cả hai đều rơi vào biên chấp. Cho nên biết ngã này và pháp năm uẩn chẳng phải một, chẳng phải khác, không đoạn không thường. Luận chủ bác bỏ rằng: sở chấp của ông Ngã là thật hay là giả? Nếu nói thật thì phải khác với uẩn, có tánh riêng như thật sắc v.v... khác với thọ. Lại nữa có thật thể thì chắc chắn phải có nhân, như năm uẩn thật từ nhân sinh. Nếu chấp nhân sinh là vô thường

thì trái với tông của ông. Ngã chẳng phải vô thường, nếu có thật thể không từ nhân sinh thì lẽ ra không có nhân, đây giống với chấp của ngoại đạo. Lại ông chấp ngã không phải vô vi, nếu chẳng phải nhân sinh, lại chẳng phải vô vi, chấp ngã của ông trở thành vô dụng. Nếu ngã là giả thì giống với tôi nói, không có thật ngã. Lại pháp của bộ kia có năm pháp tạng. Ba đời là ba, vô vi là bốn, ngã là thứ năm không thể nói Tạng. Ngã là sinh tử không thể nói với là một hay khác ba đời. Vì vậy lập ngã này là không thể nói Tạng. Phá rằng: ngã và bốn tạng trước nếu không thể nói là khác thì không nên nói là Pháp tạng thứ năm. Ngã và bốn pháp tạng trước nếu không thể nói là một thì không thể nói chẳng phải tạng thứ năm. chẳng phải tạng thứ năm: tức là bốn pháp tạng trước đã là thứ năm chẳng phải là thứ năm đều không thể nói, chỉ nên lập bốn pháp tạng trước. Như trên là pháp lý, dưới đây là giáo chứng. Luận chép: Bạt-già-phạm bảo Phạm Chí rằng: Ta nói tất cả hữu, chỉ thuộc mười hai xứ. Nếu sắc thú thú chẳng thuộc về xứ, thì lý không tự thể thành. Nếu thuộc xứ thì không thể nói là không thể nói. Lại bộ của ông tụng kệ kinh cũng nói: tất cả các nhân tất cả các sắc nói rộng cho đến. Tỳ-kheo nên biết, Như lai giống như vậy, lập bày tất cả, lập ra tất cả pháp có thật thể, trong không có bổ-đặc-già-la thì làm sao nói nó có thật thể. Kinh Tần-bà-sa-la cũng nói: “Trong đây không có tánh ngã, ngã sở, chỉ có thể của tất cả pháp khổ, vị lai sinh, đang sinh và đã sinh cho đến nói rộng”. Y theo giáo lý trên thì, tất cả đều không có tánh ngã, vì sao Độc tử bộ chấp là ngã?.

### **15. Luận chủ dẫn tụng để chứng minh, bác bỏ:**

Từ đây là luận chủ dẫn tụng để chứng minh bác bỏ trong đây có hai phần: 1. Chánh phá; 2. Lưu thông. Đầu tiên có mười bảy hàng tụng là bác bỏ, sau có ba hàng là lưu thông.

Trong phần chánh phá đầu có sáu:

- Hiện bày chân không.
- Nói về biết khắp của Phật.
- Sắp đặt trả lời chúng sinh.
- Nhân tướng không lường.
- Quả sinh trước sau.
- Nghiệp báo khó biết.

Trong phần hiển bày chân không đầu tiên là A-la-hán ni nói, kế là Thế tôn nói. Nay là phần một, luận chép: có A-la-hán ni, tên là Thế la (Hán dịch là Tiểu Sơn) nói cho ma vương nghe rằng:

Tụng rằng:

*Người đọa đường ác kiến  
 Đối với nhóm không, hành  
 Vọng chấp có hữu tình  
 Người trí biết chẳng có  
 Như nắm bắt các phần  
 Tướng giả ráp thành xe  
 Thế tục lập hữu tình  
 Nên biết nắm các uẩn*

Giải thích: Người đọa đường ác kiến: là nêu lỗi của ma. Người là ma vương đọa vào đường ác kiến, thân gọi là kiến ác. 1. Vì chướng ngại Thánh đạo. 2. Vì ngu si che lấp, vì nhân mê hoặc gọi là ác. Hướng về sinh tử là nhân trôi lăn, do đó gọi là đường ác kiến tức là đường, gọi là đường ác kiến. Đối với nhóm trong không hành vọng chấp có hữu tình: là giải thích ác kiến, nắm uẩn hòa hợp gọi là nhóm hành, đều không có tác giả (người làm ra), gọi là không, chấp thật có hữu tình là ác kiến, người trí biết chẳng có: là hiển bày chân không hữu tình là giả, bậc Thánh biết chẳng thật có vì đã dứt chấp ngã hiển bày chân không. Như lai nắm bắt chúng phần cho đến nắm bắt các uẩn: là nêu thí dụ, giải thích thành tựu. Đầu tiên nêu thì dụ đã hiển bày, sau là pháp thích hợp, nắm bắt vành xe v.v... để thành xe ấy, cho nên xe là giả. Nắm bắt nắm uẩn để thành hữu tình, vậy hữu tình là thật hay sao?

Kế là Đức Phật ở trong Tạp-A-cấp-ma vì Bà-la-môn Bà-bảo-lê nói: (Bà-bảo-lê, Hán dịch là Táo, cha mẹ thương con nên đặt tên là Táo này). Nghe rằng:

*Bà-bảo-lê lắng nghe  
 Hiểu được các pháp kiết,  
 Vì nương tâm nên nhiễm  
 Cũng nhờ tâm mà tịnh  
 Ngã thật không tánh ngã  
 Diên đảo nên chấp có  
 Vô hữu tình, vô ngã  
 Chỉ có pháp hữu nhân  
 Là mười hai chi hữu  
 Thuộc về uẩn, xứ, giới  
 Xét nghĩ tất cả này  
 Không bỏ-đặc-già-la  
 Đã quán trong là không  
 Quán bên ngoài cũng vậy*

*Nếu tu được quán không  
Cũng đều không thật có.*

Giải thích: Bà-bảo-lê lắng nghe! Hiểu được các pháp kiết: là khuyên lắng, nghe pháp. Kiết: Là trói buộc, điều pháp giải kiết, ông có thể nghe. Vì tâm nương nên nhiễm, cũng nhờ tâm mà tịnh: là nêu pháp được thuyết ra. Tâm nhiễm liền nhiễm tâm tịnh liền tịnh, ông dựa vào tâm tịnh, thì kết sẽ giải, Ngã thật không có tánh ngã, vì điên đảo nên chấp có: là giải thích y vào tâm đắm nhiễm, đều không có thật ngã, chấp tác giả ngang trái. Vì khởi tâm điên đảo nên thành nhiễm này. Không có hữu tình, vô ngã chỉ có pháp hữu nhân: Là nêu nương tâm được tịnh. Quả do nhân khởi, gọi là pháp hữu nhân, chỉ do năng lực của nhân, nên quả liền được sinh. Quả do nhân sinh nên thật không có tác giả vì vậy không có ngã kiến. Nhân quả hòa hợp, giả gọi là nhân (người), nên không có hữu tình. Đạt đến pháp nhân hữu, ngã kiến hữu tình diệt, tâm liền thanh tịnh. Là mười hai chi hữu cho đến cũng đều không thể đắc: là giải thích pháp hữu nhân trước. Mười hai chi hữu, ba uẩn xứ, giới. Tất cả pháp này chỉ có nhân quả, không có Sắc-thủ-thú, nhưng thân hữu tình không có sắc thủ thú, tức là nội không. Pháp vô tình bên ngoài cũng lại là pháp không tu quán không này cũng chẳng thật có. Xét kỹ bài tụng trong kinh này là Phật, Thế tôn đối với Kinh Tiểu thừa kín đáo nói về Đại thừa là Phật, Lý chân không ở đây được cùng tận. Đọc tử bộ vấn nạn: nếu không có thật ngã thì chẳng phải sát-na diệt, mới liền biết khắp vì tâm, tâm sở sanh diệt đối khác trong từng sát-na, nên tâm, tâm sở chẳng phải biết khắp ngay. Luận chủ đáp: vì chỉ y theo nối tiếp mà có khả năng. Biết tất cả pháp gọi là Nhất-thiết-trí, chẳng phải do một niệm mà liền biết khắp.

### **16. Nêu tụng để đáp:**

Từ phần này trở xuống là nêu tụng để đáp: tức là phần hai nói về phần biết khắp của Phật, trong đó có hai: nêu tụng để nói và dẫn tụng chứng minh. Nay là phần một.

Tụng rằng:

*Do nối tiếp có thể  
Như lửa đốt tất cả  
Nhất-thiết-trí như thế  
Chẳng do liền biết khắp.*

Giải thích: lửa đốt cháy tất cả, chẳng lẽ một niệm lửa có thể đốt cháy tất cả, chỉ theo sự nối tiếp mà nói thiêu đốt tất cả, trí của Phật cũng vậy, chỉ y theo nối tiếp, gọi là Nhất-thiết-trí.

## 17. Dẫn chứng:

Từ phần thứ hai này là dẫn chứng. Độc Tử bộ hỏi: làm sao biết được, y theo nối tiếp mà nói. Biết tất cả pháp chẳng phải biết khắp của ngã?

Luận chủ đáp: vì nói Phật Thế tôn có ba đời, Độc tử bộ hỏi: nói ở chỗ nào?.

## 18. Luận chủ dẫn tụng chứng minh thành tựu:

Từ đây Luận chủ dẫn bài tụng để thành chứng minh, như có bài tụng rằng:

*Hoặc Chư Phật quá khứ Hoặc Chư Phật  
vị lai Và chư Phật hiện tại Đều diệt lo  
chúng sinh.*

Giải thích: Bài tụng này nói có Chư Phật ba đời, cho nên y theo trí Phật ở giai đoạn tiếp nối, biết tất cả pháp, không do ngã mà liền biết khắp vì thuộc Chư Phật, Thế tôn ba đời. Kia đây chấp thể của ngã là Phật Thế tôn, lại nói thể của ngã không thuộc ba đời. Tụng này đã nói Phật ở ba đời nên ông chấp ngã chẳng phải Thế tôn, ngã đã chẳng phải Phật là biết rõ biết khắp không do ngã, gọi là đốn biết khắp, lý ấy cũng vậy.

